

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21 -9 - 2017

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Ngọc Châu.

2. Bà Cù Thị Chanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai vụ án thụ lý số 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Anh Vũ Mạnh C, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn 4, xã HY, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn 4, xã HY, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/8/2017, bản tự khai ngày 01/9/2017, nguyên đơn là anh Vũ Mạnh C trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HY, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/01/2012. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 8 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không có con cái nên thường xuyên cãi vã nhau. Do không chịu

đựng được nên hai bên đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 01/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Vũ Mạnh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HY, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa ngày 30/01/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng không có con cái, hai bên đã ly thân. Anh C xin ly hôn chị cũng đồng ý được ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Vũ Mạnh C và chị Nguyễn Thị T đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án không tiến hành hòa giải. Đây là trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS. Căn cứ quy định tại khoản 1 điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt anh C và chị T.

[2]. Về hôn nhân: Anh Vũ Mạnh C và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn bất đồng chủ yếu là do vợ chồng không có con dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau; mặc dù vợ chồng mới sống ly thân thời gian ngắn nhưng mâu thuẫn cũng đã kéo dài, anh C và chị T đều mong muốn ly hôn và đều có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải nữa, điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh C được ly hôn chị T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Anh C, chị T không có con chung.

[4]. Về tài sản: Hai bên thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí DSST về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh C và chị Nguyễn Thị T.

2. Về án phí: Anh Vũ Mạnh C phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2015/0004726 ngày 31/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, anh C đã nộp đủ tiền án phí.

Trở đồng hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh C, chị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hà Trung;
- THADS huyện Hà Trung;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt